

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 04/3/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền và Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST – DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại N, ông Đào Xuân T đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: đường Q, phường B, quận T, T phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1993 (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019). (có mặt);

Bị đơn: Hộ kinh doanh T, do anh Hồ Văn S, sinh năm 1987 làm đại diện theo pháp luật;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Châu Bé T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2019 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng đại diện Công ty N trình bày:

Trong khoảng năm 2018 Công ty N (gọi tắt là Công ty) và đại lý thức ăn T do anh Hồ Văn S làm chủ có giao dịch mua bán thức ăn bổ sung và chế phẩm sinh học xử lý môi trường dùng cho nuôi trồng thủy sản. Các lần giao dịch như sau:

+ Ngày 07/3/2018 lô hàng: 2T Pond 227; 2T BZT; 2T Food 0,5l; 2T Cybinin 0,5l; 2T Cover 2l; 2T Beta; 20X Ctat 15kg; 25b Ktat có trị giá 57.730.000 đồng;

+ Ngày 05/4/2018 lô hàng: 10b Ktat; 10X Ctat; 1T Silver; 1T Food 0,5l; 1T Cybinin 1l; 1T Mine; 1T Beta; 1T BZT; T Yucca có trị giá 25.280.000 đồng;

+ Ngày 12/4/2018 lô hàng: 30b Ktat; 20X Ctat; 2T Silver; 2T Food 0,5l; 2T Cybinin 1l; 2T Mine; 2T Beta; 1T BZT có trị giá 43.060.000 đồng;

+ Ngày 14/4/2018 lô hàng: 3T Iodin có trị giá 7.200.000 đồng.

Quá trình giao dịch anh S có trả cho Công ty số tiền 20.000.000đ vào ngày 04/4/2018 thì không trả nữa. Các bên có đối chiếu công nợ với nhau hiện anh S còn nợ số 113.270.000 đồng. Tất cả các sản phẩm đều được Tổng cục thủy sản thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chứng nhận được phép lưu hành tại Việt Nam. Tuy nhiên đối với lô hàng 3T Iodin ngày 14/4/2018 chưa được kiểm định nên tại phiên tòa Công ty thay đổi không yêu cầu số tiền của lô hàng này. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu anh S và vợ là chị T trả số tiền 106.070.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Anh Hồ Văn S trình bày: Nội dung trình bày của đại diện Công ty về quá trình giao dịch, số lần giao nhận hàng và số nợ là hoàn toàn chính xác. Ngày 04/4/2018 anh có trả cho công ty được 20.000.000 đồng. Số tiền anh hiện còn nợ là 113.270.000 đồng. Tuy nhiên, anh không đồng ý trả với lý do trong quá trình giao dịch anh nhiều lần yêu cầu Công ty làm hợp đồng đại lý nhưng công ty không thực hiện, ngoài ra những sản phẩm Công ty giao không đảm bảo chất lượng, khi bán cho hộ sản xuất không đạt hiệu quả. Tại phiên tòa đại diện Công ty thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu số tiền 106.070.000 đồng anh cũng không đồng ý trả.

- Chị Châu Bé T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 19/02/2020: Thống nhất với ý kiến của anh S, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Hồ Văn S và chị Châu Bé Tcó trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 106.070.000 đồng. Về áp phí bị đơn nộp theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đại diện Công ty N khởi kiện yêu cầu anh Hồ Văn S giao trả số tiền mua bán thức ăn còn Tếu. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[1.2]. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 106.070.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi nội dung khởi kiện là trên tinh thần tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]: Về nội dung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau quá trình giao dịch và số tiền nợ. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận giao dịch giữa các

bên là có xảy ra trên thực tế. Xét ý kiến trình bày của bị đơn cho rằng nguyên đơn không tiến hành làm hợp đồng đại lý và chất lượng sản phẩm không đảm bảo chất lượng nên quá trình sử dụng không hiệu quả nên không đồng ý trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ vì không tiến hành soạn thảo và ký kết hợp đồng đại lý, tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận này nên có không căn cứ xem xét.

Lý do các sản phẩm Công ty giao cho bị đơn không đảm bảo chất lượng, tuy nhiên bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét, trong khi Công ty cung cấp các tài liệu chứng nhận chất lượng sản phẩm do Tổng cục thủy sản cấp được phép lưu hành tại Việt Nam.

Với những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc anh Hồ Văn S và chị chị Châu Bé Tlà (vợ của anh Hồ Văn S là T viên trong hộ) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

Về lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi giao dịch đến ngày xét xử do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí kinh doTong mại sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26, 27, chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại N không phải nộp, số tiền dự nộp được nhận lại. Buộc anh Hồ Văn S và chị Châu Bé Tnộp 5.303.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại N. Buộc anh Hồ Văn S và chị Châu Bé Tcó nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 106.070.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn

đồng).

2. Về án phí kinh doTong mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại N không phải nộp, số tiền dự nộp 2.837.800 đồng theo biên lai thu số 0003974, ngày 27/9/2019 được nhận lại. Buộc anh Hồ Văn S và chị Châu Bé Tnộp 5.303.500 đồng. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục Thành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thành án của người được Thành án cho đến khi Thành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Thành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa Thành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được Thành theo quy định tại Điều 2 Luật Thành án dân sự thì người được Thành án dân sự, người phải Thành án dân sự có quyền thỏa thuận Thành án, quyền yêu cầu Thành án, tự nguyện Thành án hoặc bị cưỡng chế Thành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thành án dân sự; thời hiệu Thành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Kiều Song Toàn